

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 124/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05 – 5 – 2022

“Về tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hứa Minh Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Văn Công Trọn
- Ông Huỳnh Văn Năm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Minh Chiến, là Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2022/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Huỳnh Thị Nh, sinh năm: 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp KHB, xã KBC, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở: Ấp NM, xã KH, huyện T, tỉnh Cà Mau

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp KHB, xã KBC, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Huỳnh Thị Nh trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Ph chung sống với nhau Nh vợ chồng từ năm 2011, đến năm 2018 đăng ký kết hôn tại UBND xã KBC, huyện T, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục.

Quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu

thuần, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp được với nhau. Nguyên nhân do anh Ph ghen tuông, đánh đập, xúc phạm chị nhiều lần. Vì vậy, chị quyết định ly hôn với anh Ph.

- Về con chung: Chị và anh Ph có 02 người con chung là Nguyễn Huỳnh Gia B, sinh ngày 27/12/2012; Nguyễn Huỳnh Bảo H, sinh ngày 12/5/2016. Hiện cháu B đang sống chung với anh Ph, cháu H đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi hết 02 con, vì anh Ph đi làm xa, không đủ điều kiện chăm sóc cháu B; chị không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Nh xác định vợ, chồng chị có tài sản chung nhưng chị không đặt ra yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Nh khai giữa vợ, chồng chị có nợ nhưng chị không cung cấp họ, tên và địa chỉ các chủ nợ cho Tòa án biết để mời làm việc.

\* Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn Ph trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nh về thời điểm kết hôn, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Nay chị Nh cương quyết xin ly hôn, anh cũng thống nhất ly hôn với chị Nh.

- Về con chung: Anh xác định có 02 con chung đúng như chị Nh trình bày. Anh thống nhất giao 02 con chung cho chị Nh nuôi, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/con.

- Về tài sản chung: Không đặt ra yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có.

\* Ngày 10/02/2022, Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ không thành đồng thời ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành.

\* Ngày 11/02/2022 anh Ph có đơn yêu cầu thay đổi nội dung thỏa thuận. Anh yêu cầu được nuôi cháu B, không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung có 01 căn nhà cấp 4 trị giá 30.000.000đ do chị Nh đứng tên; 01 chiếc xe Future Fi 125, trị giá 15.000.000đ do chị Nh đứng tên đồng thời anh nộp tạm ứng án phí phân chia tài sản nhưng sau đó không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến tài sản và cũng không có mặt tại Tòa để tiến hành hòa giải.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về tố tụng: Về loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa chị Nh và anh Ph là tranh chấp về ly hôn và nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của anh Ph: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến tham gia phiên hòa giải về yêu cầu phân chia tài sản và triệu tập đến phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh Ph vẫn không có mặt, cũng không có ý kiến phản hồi

nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Ph theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Nh và anh Nguyễn Văn Ph xác lập quan hệ vợ, chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2018 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Xét mâu thuẫn thực tế giữa chị Nh và anh Ph là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ, chồng anh chị có nhiều điểm bất đồng, không hòa hợp nhau, thường xuyên cãi vã, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và sinh hoạt riêng tư, không quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau, cuộc sống không hạnh phúc nên dù Tòa án có hòa giải đoàn tụ nhưng chị Nh vẫn kiên quyết ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nh được ly hôn với anh Ph là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị Nh yêu cầu được nuôi hết 02 con; anh Ph yêu cầu được nuôi cháu B. Hội đồng xét xử xét thấy rằng cháu B đang sống bên gia đình anh Ph và có nguyện vọng sống cùng anh Ph. Tuy nhiên, về điều kiện chăm sóc, giáo dục cháu B là chưa đảm bảo. Bởi cháu hiện đã học lớp 4 nhưng họ, tên cháu viết chưa rành mạch; còn anh Ph thường xuyên đi làm xa, không có điều kiện gần gũi để chăm sóc, giáo dục cháu. Do đó, giao cháu B và cháu H cho chị Nh chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Nh không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Nh không đặt ra yêu cầu phân chia. Anh Ph có đặt ra yêu cầu phân chia nhà, xe nhưng anh không hợp tác để cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ cũng như việc xem xét, thẩm định và định giá tài sản để xem xét giải quyết nên không có căn cứ xem xét. Sau này có phát sinh tranh chấp tài sản giữa chị Nh và anh Ph thì anh chị có quyền yêu cầu Tòa án phân giải quyết sau.

[5] Về nợ chung: Chị Nh khai giữa vợ, chồng chị có nợ nhưng chị không cung cấp họ, tên và địa chỉ các chủ nợ cho Tòa án biết để mời làm việc. Vì vậy, khoản nợ của chị Nh và anh Ph không thể xem xét trong vụ án này nên được tách ra, khi nào các chủ nợ có yêu cầu sẽ xem xét thành vụ kiện khác.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Án phí về việc phân chia tài sản, anh Ph nộp tạm ứng do không xem xét việc phân chia tài sản nên trả lại cho anh Ph là phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị Nh về việc ly hôn anh Nguyễn Văn Ph.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh Gia B, sinh ngày 27/12/2012; Nguyễn Huỳnh Bảo H, sinh ngày 12/5/2016 cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh Ph không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Không đề cập giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Nh phải chịu 300.000đ. Ngày 12 tháng 01 năm 2022, chị Nh đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 4291 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu. Ngày 11 tháng 02 năm 2022, anh Ph đã nộp tạm ứng án phí 375.000đ theo biên lai số 4386 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được trả lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Chị Nh được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ph được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã KBC, huyện T;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**Hứa Minh Hải**